

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST

Ngày 23-5-2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thọ.

2. Ông Lê Văn Công.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Như Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn S, sinh năm: 1970 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Số 22 đường T, khu phố 3, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1974 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Số 22 đường, khu phố 3, phường L, Tp. B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Phạm Văn S trình bày: Ông S và Bà T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 16/10/2000. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với gia đình ông S tại thành phố Bà Rịa. Trong quá trình sống chung vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách khác nhau, không cùng quan điểm sống dẫn đến không tìm được tiếng nói chung, không có sự tôn trọng yêu thương nhau. Từ tháng 11/2022 cho đến nay vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông S yêu cầu được ly hôn với Bà T.

Về con chung: Có 02 người con chung là Phạm Nguyễn Khánh N, sinh năm 2003 (đã trưởng thành) và Phạm Nguyễn Như N, sinh ngày 08/7/2010, ông S đồng ý giao cháu Như N cho Bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông S cấp dưỡng nuôi

con chung 2.000.000đ/tháng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện đi lại khó khăn và không sắp xếp được công việc nên ông S xin được vắng mặt trong quá trình xét xử.

Theo bản tự khai bị đơn bà Nguyễn Thanh T trình bày: Bà T và ông S tìm hiểu nhau được một thời gian thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 16/10/2000 theo giấy chứng nhận kết hôn số 45. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến tháng 10/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông S có quan hệ và sống chung với người phụ nữ khác và đã dọn ra ngoài sống riêng. Bà và ông S đã cố gắng nói chuyện và hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Trước yêu cầu ly hôn của ông S, Bà T không đồng ý ly hôn vì Bà T là người theo đạo, Bà T muốn giữ đạo lý cho các con sau này. Đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là Phạm Nguyễn Khánh N, sinh năm 2003 (đã trưởng thành) và Phạm Nguyễn Như N, sinh ngày 08/7/2010, Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Như N và không có ý kiến với mức cấp dưỡng của ông S

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc không thể tham gia các buổi làm việc theo yêu cầu của Tòa án nên Bà T đề nghị giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông S. Về con chung giao cháu Phạm Nguyễn Như N, sinh ngày 08/7/2010 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của ông S cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/ tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung ông S, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông S phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện ông S yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với Bà T được xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố

Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông S và Bà T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố Tụng Dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông S về việc xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con đối với Bà T, thì thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông S và Bà T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông S và bà T thừa nhận quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Ông S có quan hệ với người phụ nữ khác và hiện nay vợ chồng đã ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông S và bà T đã thật sự trầm trọng dẫn tới cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt, vợ chồng không muốn đoàn tụ. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho ông S được ly hôn Bà T.

[3.2] Về con chung: Ông S và bà T có 02 người con chung là Phạm Nguyễn Khánh N, sinh năm 2003 (đã trưởng thành) và Phạm Nguyễn Như N, sinh ngày 08/7/2010, theo nguyện vọng của con chung ông S và bà T thỏa thuận bà T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Như N, ghi nhận sự tự nguyện của ông S cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Ông S là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật và án phí cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; các điều 19, 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn S về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” đối với bà Nguyễn Thanh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn S được ly hôn với bà Nguyễn Thanh T.

- Về con chung: Ông S và Bà T có 02 người con chung là Phạm Nguyễn Khánh N, sinh năm 2003 (đã trưởng thành) và Phạm Nguyễn Như N, sinh ngày 08/7/2010, theo nguyện vọng của con chung ông S và bà T thỏa thuận như sau:

Giao con chung là Phạm Nguyễn Như N, sinh ngày 08/7/2010 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của ông S cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng. Việc cấp dưỡng được thực hiện từ ngày 01 đến

ngày 10 hàng tháng, bắt đầu khi án có hiệu lực cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Sau khi ly hôn, ông S và bà T đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Ông S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con hoặc yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Ông Phạm Văn S phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005239 ngày 12/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông S đã nộp xong án phí. Ông Phạm Văn S còn phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- CCTHA dân sự thành phố Bà Rịa;
- UBND tt Long Điền, h Long Điền,
- t, Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Hoài Nam